TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15/3/2024
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thị Ái Q

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh N
2. Ông Đỗ Văn H

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị N, Thư ký Toà án nhân dân thành phố P , tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B *tham gia phiên toà*: Bà Huỳnh Nhã U, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Văn C và bà Bùi Thị Thu H tự nguyện chung sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2009, ngày 16/4/2009.

Trong quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, có lúc đã xảy ra mâu thuẫn nhưng tự dàn xếp tiếp tục chung sống. Đến tháng 01/2022 cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông bà không cùng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng bất hòa không

còn hạnh phúc. Đến năm 2023, ông bà đã nộp đơn ly hôn, nhưng vì con nên đã hàn gắng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Một mình ông C phải đi làm và vừa chăm sóc 02 con, bà H không có trách nhiệm gì với gia đình và con cái. Ông bà đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm đến nhau nữa.

Nay ông C xác định tình cảm vợ chồng với bà H không còn, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Bùi Thị Thu H.

- Về con chung: ông C và bà H có 02 con chung tên Phạm Thị Minh N, sinh ngày 04/9/2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 12/8/2012. Ly hôn, ông C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi 02 con. vì ông có đủ khả năng nuôi con.

Từ thời gian ông và bà H sống ly thân cho đến nay, 02 con do ông trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không có trách nhiệm gì với các con.

- Về tài sản chung: Ông Công khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Công khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Bà Bùi Thị Thu H và Phạm Văn C tự nguyện chung sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh B, theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2009, ngày 16/4/2009.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 02/2023, bà H có làm đơn xin ly hôn ông C, sau đó bà suy nghĩ lại nên đã rút đơn về. Sau đó tháng 11/2023, ông C làm đơn xin ly hôn bà H và ông C đã rút đơn. Mặc dù từ năm 2022 cho đến nay, ông bà sống ly thân nhau, nhưng bà H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông C, nên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông bà chung sống có 02 con chung tên Phạm Thị Minh N, sinh ngày 04/9/2009 và Phạm Minh K1, sinh ngày 12/8/2012.

Nếu ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Minh K, sinh ngày 12/8/2012; giao cho ông C nuôi con chung Phạm Thị Minh N, sinh ngày 04/9/2009, không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Từ khi ông bà sống ly thân nhau, 02 con do ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng : từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng : nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung : Qua xem xét hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Viện kiểm sát thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa ông Phạm Văn C và bà Bùi Thị Thu H không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó:

Về hôn nhân : đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn C được ly hôn bà Bùi Thị Thu H.

Về con chung: ông C và bà H có 02 con chung tên Phạm Thị Minh N, sinh ngày 04/9/2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 12/8/2012. Ly hôn, ông C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con cung. Hai cháu N và K nay đang sống với ông C, mặt khác hai cháu có nguyện vọng ở với ba. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, căn cứ theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao hai cháu N và K cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung : do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Bùi Thị Thu H. Bà H là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh B. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn C và bà Bùi Thị Thu H tự nguyện chung sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P,thành phố P, tỉnh B, theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2009, ngày 16/4/2009.

Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng về cách sống nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, ông C và bà H không còn sự yêu thương, quý trọng nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà đã nộp đơn xin ly hôn sau đó đã rút đơn, nhưng từ sau đó không trở về chung sống tiếp mà sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay nên giữa ông C và H khó có khả năng hàn gắng. Về phía bà H, bà không đồng ý ly hôn ông C nhưng bà H không có biện pháp gì để hàn gắng hạnh phúc gia đình.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng của vợ chồng bà H và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[4] Về con chung: ông C và bà H có 02 con chung tên Phạm Thị Minh N, sinh ngày 04/9/2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 12/8/2012.

Tại phiên tòa bà H và ông C đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy hiện nay ông C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và K, hai cháu có nguyện vọng ở với ba. Do đó căn cứ theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao 02 cháu N và K cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con 2 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông C, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông C, bà H khai không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân : Cho ly hôn giữa ông Phạm Văn C và bà Bùi Thị Thu H.

2.Vê nuôi con: Bà Bùi Thị Thu H giao 02 con chung tên Phạm Thị Minh N, sinh ngày 04/9/2009 và Phạm Minh K, sinh ngày 12/8/2012 cho ông Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Văn C không yêu cầu bà Bùi Thị Thu H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Ông Phạm Văn C và bà Bùi Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Bà Bùi Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: ông Phạm Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Ngày 17/01/2024 ông C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001206 tại Chi cục thi hành án thành phố P nay chuyển sang thành án phí và sung công quỹ nhà nước. Ông C đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *Các đương sự*
- *Viện kiểm sát nhân dân P*
- *Toà án tỉnh B*
- *Thi hành án dân sự P*
- *UBND phường H, P.*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Ái Q